UNIT 2 MY HOME



GRAMMAR

1. Diễn tả "có" điều gì đó với There is và There are.

	There is	There are
(+)	There is + a/an + Ns	There are + Np
(-)	There isn't + a/an + Ns	There aren't any + Npl
(?)	Is there + a/an + Ns?	Are there any + Npl?

Chú ý: **Ns = Danh từ số ít.**
Npl = Danh từ số nhiều.

Ví dụ:

- There is a dog in the room.
  (Có một chú chó trong phòng.)
- There aren't any notebooks in the school bag.
  (Trong cặp không có quyển vở nào.)
- Is there a cat in the house?
  (Trong nhà có mèo không?)
- Are there any pupils in the classroom?
  (Có học sinh nào trong lớp học không?)

2. Giới từ chỉ địa điểm- Prepositions of place.

1. **at**: ở, tại **(at home,at the station,at seaside,at the airport)**
2. **In:** trong, ở trong

(In the room/ building/ kitchen/ garden/ restaurant/ office/ park/ pool/ mountains/ sea/ river/ forest/ field/ desert/ village/ town/ country/ city…

Eg: There are 400 seats in the theater/ cinema
(Có 400 chỗ ngồi trong rạp xiếc/ rạp chiếu bóng)

3. **On**: trên, ở trên

(on the table/ carpet/ wall/ ceiling/ blackbroard/ screem/ pavement/ door/ shirt/ map/ page)

4. Obove (ở trên)
The picture is above the bed. *(Bức tranh ở phía trên đầu giường.)*

5. Under (ở dưới)
The dog is under the table. (*Con chó ở dưới cái bàn.)*

LIVEWORKSHEETS

6. Below (ở dưới)
He lives below my flat. (*Anh ấy sống ở dưới căn hộ của tôi.)*
***Chú ý:**
- **under** dùng khi 1 vật ở dưới trực tiếp 1 vật khác
- **below** dùng khi 1 vật ở dưới vật khác nhưng có thể xa và lệch

7. Between (ở giữa)
I am standing between my brother and sister. (*Mình đang đứng giữa anh trai và chị gái mình.)*

8. Among (ở giữa)
I couldn't find him among a sea of people. *(Tôi không thể tìm thấy anh ấy giữa một biển người.)*
***Chú ý:**
- **between** dùng khi chỉ có 2 đối tượng
- **among** dùng khi có nhiều hơn 2 đối tượng

9. In front of (ở trước)
The tree in front of the house is dying. *(Cây trước nhà đang lụi tàn dần.)*

10. Behind (ở đằng sau)
Do you know the girl behind the door*? (Bạn có biết cô gái đằng sau cánh cửa không?)*

11. Next to (bên cạnh)
The bakery is next to the bookstore. *(Tiệm bánh ở bên cạnh hiệu sách.)*

12. Beside (bên cạnh)
Who is the man standing beside you? *(Người đàn ông đứng cạnh bạn là ai thế?)*

13. Near (gần)
My school is near a park. *(Trường mình gần 1 công viên.)*

14. Opposite (đối diện)
They sat opposite each other. *(Họ ngồi đối diện nhau.)*

Task 1. Complete the sentences with There is/ There are.

1. _____ 25 students in the class.
2. _____ a big wardrobe in my sister's room.
3 _____ a computer and a TV in my room.
4 _____ good programs on television.
5. _____ some furniture in my bedroom.
6. _____ four eggs in the fridge.
7. _____ a lot of water in the bottle.

LIVEWORKSHEETS

8. _____ no paper in the printer.

Task 2. Use the words to write positive (+) and negative (-) sentences and questions (?) with *there is / there are.*

1. a bath in the bathroom (?) *Is there a bath in the bathroom?*
2. some shops near our new house (+) _____
3. a school in the neighbourhood (?) _____
4. a television in my bedroom (-) _____
5. any cupboards in the dining room (?) _____
6. a swimming pool behind the house (+) _____
7. any flowers in the garden (-) _____
8. a lot of posters on the wall (+) _____

Task 3. Read and complete with *there is, there are* + preposition



1. _____ a TV _____ the shelf.
2. _____ two sofas _____ the room.
3. _____ two cushions _____ the bed.
4. _____ a lamp _____ the bedside cabinet
5. _____ nothing _____ the bed.
6. _____ two windows _____ the room.
7. _____ a table _____ the TV.
8. _____ a picture _____ the wall.
9. _____ a door _____ the picture.
10. _____ a clock _____ two windows.

LIVEWORKSHEETS

Task 4. Complete the questions with *Is there* or *Are there*. Then write short answers

1. _____ many shops in your town? Yes, _____.
2. _____ a post office near here? No, _____.
3. _____ a table and chairs in the kitchen? Yes, _____.
4. _____ any trees in your garden? No, _____.
5. _____ a book under the table? Yes, _____.
6. _____ any girls in the class? Yes, _____.
7. _____ any coffee in the cup? No, _____.
8. _____ a lot of children in the yard? No, _____.

Task 5. Complete the sentences with the correct prepositions from the box.

near	above	under	in (3)	on (3)	next to (2)	between	behind



1. The trees are _____ the house.
2. The dining room is _____ the living room and the kitchen.
3. The kitchen sink is _____ the window.
4. The bath is _____ the bathroom.
5. The flower vase is _____ the chest of drawers.
6. The fridge is _____ the cooker.
7. The mirror is _____ the bathroom sink.
8. The television is _____ the cupboard _____ the sofa.
9. The microwave is _____ the counter _____ the kitchen.
10. The washing machine is _____ the dryer _____ the basement.

LIVEWORKSHEETS